

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	06 – 14
Bảng tính vốn khả dụng	06 – 09
Bảng tính giá trị rủi ro	10 – 13
Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng	14

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa (trước đây là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 107/UBCK - GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **789.934.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Hà Nội của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ngừng hoạt động từ ngày 26 tháng 05 năm 2011 theo Quyết định số 394/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2011.

TÌNH HÌNH TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 14).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Đỗ Thị Thủy	Chủ tịch	
Ông Đỗ Linh Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/3/2012
Ông Vũ Trung Thành	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Ủy viên	
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/11/2012
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/11/2012
Ông Nguyễn Minh Giang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/3/2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Linh Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/02/2012
Ông Vũ Trung Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2012
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/3/2012
Ông Đỗ Linh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2012
Bà Phan Hải Sâm	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh về tính chính xác và trung thực các nội dung báo cáo theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đỗ Linh Phương

Số: 09/2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 24 tháng 01 năm 2013. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình an toàn tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013***Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Kiểm toán viên


Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: infohn@aascn.com.vn

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN	(1)	(2)	(3)
1.	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	789.934.000.000	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	1.920.020.630	-	-
3.	Cổ phiếu quỹ	(8.989.300.000)	-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7.279.692.642	-	-
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6.	Quỹ dự phòng tài chính	7.279.692.642	-	-
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	99.562.421.465	-	-
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13.	Tổng bộ phận giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	6.484.353.728	8.122.484.107
1A	TỔNG	896.986.527.379	6.484.353.728	8.122.484.107

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính: VND		
		VKD	Vốn khả dụng Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN	(1)	(2)	(3)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn		-	-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>		-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		-	-
1.	Phải thu của khách hàng		-	-
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
2.	Trả trước cho người bán		1.481.275.853	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
5.	Các khoản phải thu khác		-	-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		22.346.327.397	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
 306 Bà Triệu – quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
IV	Hàng tồn kho		41.249.318	-
V	Tài sản ngắn hạn khác		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		731.916.477	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác		-	-
4.1	Tạm ứng		-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		1.035.300.000	-
1B	TỔNG		25.636.069.045	-
C	TÀI SẢN DÀI HẠN	(1)	(2)	(3)
I	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác		-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu – quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
II	Tài sản cố định		8.805.034.156	-
III	Bất động sản đầu tư		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>		-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5</i>		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
V	Tài sản dài hạn khác		19.531.355.147	-
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		-	-
1C	TỔNG	-	28.336.389.303	-
	VỐN KHẢ DỤNG = (1A-1B-1C) – (2A + 2B + 2C) + (3A+3B+3C)			844.652.199.410

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG					Đơn vị tính: VND
Các hạng mục đầu tư					
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ					
1.	Tiền (VND)				
2.	Các khoản tương đương tiền				
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ				
II. Trái phiếu Chính phủ					
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi				
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định				
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD				
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;				
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;				
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;				
III. Trái phiếu doanh nghiệp					
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi				
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi				
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi				
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi				
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi				
		Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1)x(2)	
		0%	182.833.643.259	-	-
		0%	82.039.944.444	-	-
		0%		-	-
				120.058.800	
				-	-
				-	-
		3%	4.001.960.002	120.058.800	
				-	-
				-	-
				-	-
				46.286.699.605	
				-	-
				-	-
				-	-
		25%	100.000.000.000	25.000.000.000	
		30%	-	-	-
		40%	53.216.749.013	21.286.699.605	

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Đơn vị tính: VND		
		Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)= (1)x(2)
IV. Cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	90.857.600	40.233.987.214
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	81.666.600	9.085.760
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	545.500	12.249.990
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	464.207.709	109.100
11.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	80.146.560.102	139.262.313
12.	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			40.073.280.051
V.	Quỹ đại chúng	10%	8.850.000.000	885.000.000
13.	Quỹ thành viên			885.000.000
14.	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			1.794.000
VI.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch			-
15.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	3.588.000	1.794.000
16.	Chứng khoán khác			
VII.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác			
17.	Rủi ro tăng thêm (nếu có)			2.500.000.000
VIII.	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	Trái phiếu SunGroup	10%	25.000.000.000	2.500.000.000
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				
				90.027.539.619

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN							
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro					Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán						32.137.406.667
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm					32.137.406.667	-
2.	Cho vay chứng khoán					-	-
3.	Vay chứng khoán					-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại					-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại					-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%			-		-
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%			-		-
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%			-		-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%			-		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
306 Bà Triệu – quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
I				
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				32.137.406.667
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)				
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng			79.723.664.604
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí			(857.950.395)
1.	Chi phí khấu hao			7.166.817.700
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			(8.024.768.095)
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			-
4.	Dự phòng phải thu khó đòi			-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)			80.581.614.999
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)			20.145.403.750
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán			60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})				60.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)				182.164.946.286

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	90.027.539.619	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	32.137.406.667	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	182.164.946.286	
5.	Vốn khả dụng	844.652.199.410	
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	464%	

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

T.P Kiểm Soát

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Ánh



Phan Hải Sâm



Đinh Huy Kiên




Đỗ Linh Phương